

Bản án số: 13/2020/DS-ST

Ngày: 18/6/2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Bùi Khắc Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2019/TLST-DS, ngày 09 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị NH; địa chỉ: Thôn 05 MĐ, xã TH, huyện BY, tỉnh LC (Vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Y Thanh L; địa chỉ: Tổ 01, thị trấn ĐA, huyện ĐS, tỉnh ĐN (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Thôn 07, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh ĐN (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Đức Th; địa chỉ: Thôn 07, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh ĐN (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Y Thanh L trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Do là chỗ quen biết nên bà Nguyễn Thị Nh đã nhiều lần đi vay tiền giúp cho bà Nguyễn Thị L, tính đến ngày 10/6/2019 số tiền bà Nh vay giúp bà L là 288.500.000 đồng, bà L có viết cho bà Nh một giấy nhận nợ với nội dung bà Nguyễn Thị L có nhờ bà Nguyễn Thị Nh vay hộ số tiền 288.500.000 đồng, bà L hẹn đến ngày 16/6/2019 sẽ thanh toán số tiền này cho bà Nh, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay bà L vẫn không thực hiện cam kết trả nợ. Do đó bà Nguyễn Thị Nh làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền gốc là 288.500.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ

ngày 17/6/2019 cho đến ngày xét xử, với mức lãi suất 1%/tháng.

- Theo lời khai và đơn trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị L trong quá trình điều tra vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu bà phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 288.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật thì bà không đồng ý, thực chất bà và chồng (Đặng Đức Th) chỉ nợ bà Nguyễn Thị Nh số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ năm 2014 cho đến nay. Đối với giấy biên nhận nợ ngày 10/6/2019 thể hiện nội dung ngày 16/6/2019 bà và ông Th không trả được số tiền 288.500.000 đồng thì bà L hứa trả bằng lô đất tại đường Gia Long, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh ĐN có diện tích rộng 25m, sâu 35m thì bà không đồng ý với nội dung trên, lý do vì nội dung của giấy biên nhận ngày 10/6/2019 là do bà Nh tự soạn thảo và ép bà phải ký vào, hiện bà chỉ còn nợ bà Nguyễn Thị Nh số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ năm 2014 cho đến nay.

- Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Đức Th trong quá trình điều tra vụ án: Ông Đặng Đức Th đồng ý với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L, về nội dung thỏa thuận trong giấy biên nhận nợ ngày 10/6/2019 giữa bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Nh thì ông không có liên quan gì đến vấn đề vay mượn này, việc vay mượn như thế nào ông không biết và có liên quan, thời điểm đó ông đang đi làm ở Lạng Sơn. Ông có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông theo quy định.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm theo nội dung đơn khởi kiện đối với số tiền gốc, đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 17/6/2019) cho đến ngày xét xử và chấp nhận trong quá trình giải quyết vụ án bà L có trả được cho bà Nh 15.000.000 đồng tiền lãi để khấu trừ vào số tiền lãi bà L phải trả cho bà Nh kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về phần tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành hòa giải đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền còn nợ là 288.500.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 17.6/2019) cho đến ngày xét xử, được khấu trừ đi số tiền lãi 15.000.000 đồng bà L đã trả cho bà Nh trong quá trình giải quyết vụ án.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với

quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1], Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn bà Nguyễn Thị L có địa chỉ tại thôn 07, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh ĐN, Do đó Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh ĐN thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Đức Th trong quá trình giải quyết vụ án đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt theo quy định. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Đ tiến hành xét xử vụ án vắng mặt, bà Nguyễn Thị L, ông Đặng Đức Th theo quy định.

[2], Về nội dung vụ án: Căn cứ vào bản gốc giấy biên nhận vay tiền ngày 10/6/2019, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Do có quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị Nh đã nhiều lần đi vay tiền giúp bà Nguyễn Thị L, đến ngày 10/6/2019 giữa bà Nh và bà L có thỏa thuận viết một giấy biên nhận vay tiền thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị Nh có đứng ra vay hộ bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 288.500.000 đồng, bà L hẹn bà Nh đến ngày 16/6/2019 sẽ thanh toán số tiền trên cho bà Nh, nếu đến hạn trả nợ bà L không trả được tiền thì sẽ trả bằng một lô đất tại đường Gia Long, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh ĐN có diện tích chiều rộng 25m, sâu 35m, tại biên bản lấy lời khai ngày 22/10/2019 bà Nguyễn Thị L thừa nhận chữ viết và chữ ký của người vay là của bà, do đó Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Nh và bà Nguyễn Thị L là có thật và hợp pháp.

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

[3], Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Về nợ gốc: Ngày 10/6/2019 bà Nguyễn Thị L thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Nh số tiền 288.500.000 đồng, bà L hẹn bà Nh đến ngày 16/6/2019 sẽ thanh toán số nợ cho bà Nh, đến thời hạn trả nợ bà L không thực hiện đúng cam kết trả nợ, do đó bà Nguyễn Thị Nh có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nh số nợ trên là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

3.2. Về lãi suất phát sinh: Vì đây là hợp đồng vay không có lãi suất nên cần áp dụng khoản 4 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất đối với yêu cầu của bà Nh.

Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

“*4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2*

Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Như vậy mức lãi suất được áp dụng ở đây là 0,83%/tháng tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày xét xử là 12 tháng 01 ngày.

$288.500.000đ \times 0,83\%/tháng \times 12 tháng, 1 ngày = 29.213.000đ$

Được khấu trừ đi số tiền lãi bà Lan đã trả cho bà Nhất trong quá trình giải quyết vụ án là 15.000.000đ. $29.213.000đ - 15.000.000đ = 14.213.000đ$

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh; buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nh số tiền gốc là 288.500.000đ (Hai trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sau khi đã khấu trừ là 14.213.000đ (Mười bốn triệu hai trăm mười ba nghìn đồng).

Tổng cộng là 302.713.000đ (Ba trăm lẻ hai triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng)

Đối với yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thị L cho rằng đối với số nợ 288.500.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 10/6/2019 là do bà Nh tự soạn thảo và ép bà phải ký vào, hiện bà L chỉ còn nợ bà Nh số tiền 30.000.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà L không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp và để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn, nên bà L phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, tại các buổi đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà L đều vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà L đưa ra.

Đối với số nợ bà Nguyễn Thị L vay bà Nguyễn Thị Nh thì ông Đặng Đức Th không ký vào giấy tờ vay mượn, do đó không có căn cứ để buộc ông Th phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà L.

Xét quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh ĐN tại phiên toà là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp.

[3], Về án phí DSST: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự với số tiền $302.713.000đ \times 5\% = 15.136.000đ$ (Mười lăm triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn đồng),

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nh tổng số tiền 302.713.000đ (*Ba trăm lẻ hai triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 288.500.000 đồng (*hai trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*), tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sau khi đã khấu trừ là 14.213.000đ (*Mười bốn triệu hai trăm mười ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 15.136.000đ (*Mười lăm triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.213.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm mười ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001650, ngày 09/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh ĐN.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh ĐN
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

